

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14/25/CBTT – HAGL Agrico

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Soát xét bán niên 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

- Mã chứng khoán: HNG
- Địa chỉ: Số 15 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: 0269.2222283
- Email: haglagrico@thagrico.vn Website: <https://haagrico.com>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Soát xét bán niên 2025

☒ BCTC riêng (ĐKGD không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc;

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.

(đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/8/2025 tại đường dẫn: <https://www.haagrigo.com/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Soát xét bán niên 2025;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phan Bá Cường

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 40

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai (nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai) cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch ("UPCOM") theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") ban hành.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
	không điều hành	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Bảo Sơn.

Ông Phan Bá Cường được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 05/2025/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 8 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12827243/68613178/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trình bày Công ty có khoản lỗ lũy kế là 875.108.618 ngàn VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.380.152.939	13.514.680.218
110	I. Tiền	4	2.669.445	13.058.472
111	1. Tiền		2.669.445	13.058.472
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.236.046.572	13.366.861.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.348.522.679	2.113.055.433
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.619.957.224	1.469.481.914
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.816.799.033	6.589.299.033
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.450.767.636	3.238.797.279
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	-	(43.772.172)
140	III. Hàng tồn kho	10	41.242.844	42.735.442
141	1. Hàng tồn kho		51.595.976	54.204.990
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.353.132)	(11.469.548)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		100.194.078	92.024.817
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	11	99.908.247	91.738.986
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.604.823.261	9.625.959.373
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.510.395.940	5.535.560.729
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	3.712.642.715	3.798.605.398
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.797.753.225	1.736.955.331
220	II. Tài sản cố định		6.682.360	2.662.500
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	4.564.443	170.833
222	Nguyên giá		13.218.006	8.977.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.653.563)	(8.807.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	2.117.917	2.491.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.862.083)	(3.488.333)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	4.087.729.776	4.087.729.776
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.954.817.803	4.954.817.803
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.155.687.273)	(1.155.687.273)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.185	6.368
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		15.185	6.368
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.984.976.200	23.140.639.591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.604.418.868	11.831.331.760
310	I. Nợ ngắn hạn		12.298.181.725	11.778.732.885
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	590.344.661	488.387.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	27	429.990.733	322.771.443
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	118.002	152.971
314	4. Phải trả người lao động		1.029.600	1.159.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.496.992.107	1.136.240.205
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	214.832.034	265.146.773
320	7. Vay ngắn hạn	18	9.564.874.588	9.564.874.588
330	II. Nợ dài hạn		306.237.143	52.598.875
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	32.578.516	52.598.875
338	2. Vay dài hạn	18	273.658.627	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.380.557.332	11.309.307.831
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	11.380.557.332	11.309.307.831
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(875.108.618)	(946.358.119)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(946.358.119)	(33.449.898)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) kỳ này		71.249.501	(912.908.221)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.984.976.200	23.140.639.591

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng

Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025


Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	266.036.882	216.663.043
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(262.643.641)	(213.369.187)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.393.241	3.293.856
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	434.361.127	501.361.755
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(381.700.754) (380.876.791)	(280.058.228) (266.836.457)
25	6. Chi phí bán hàng	23	(1.606.459)	(2.088.732)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(4.148.645)	(6.905.752)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.298.510	215.602.899
31	9. Thu nhập khác	24	21.013.656	781.232
32	10. Chi phí khác		(62.665)	(896.282)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		20.950.991	(115.050)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.249.501	215.487.849
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		71.249.501	215.487.849

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng


Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.249.501	215.487.849
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	494.811	706.802
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(44.888.588)	1.526.387
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(147.124.699)	(210.284.930)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(285.417.759)	(264.236.572)
06	Chi phí lãi vay	22	380.876.791	266.836.457
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(24.809.943)	10.035.993
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(294.233.702)	378.975.159
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		2.609.014	(13.250.385)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		129.054.758	(211.875.102)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(8.817)	114.755
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.006.148)	(29.644.931)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(144.000)	(129.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(205.538.838)	134.225.889
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(78.513.627)	(918.362.988)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		-	(160.042.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		3.555	16.027
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(78.510.072)	(1.078.388.961)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	537.158.627	1.476.850.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(263.500.000)	(577.400.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		273.658.627	899.449.500
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.390.283)	(44.713.572)
60	Tiền đầu kỳ		13.058.472	47.288.173
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.256	2.888
70	Tiền cuối kỳ	4	2.669.445	2.577.489

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai (nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai) cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã bị hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên UPCOM theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do HNX ban hành.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19 người).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào ("Nam Lào") (*)	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
(*) Nam Lào được thành lập ngày 5 tháng 1 năm 2024 theo GCNĐKKD số 0005/ĐKDN cấp bởi Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại Tỉnh Attapeu, Lào và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 002-2024/KHĐT.ĐT4 cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, để thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 875.108.618 ngàn VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu vận hành và thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn trong tương lai gần, cùng với sự hỗ trợ tài chính tiếp tục của các cổ đông.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập kế hoạch kinh doanh và dự báo dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo trên cơ sở kỳ vọng về (i) dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc triển khai các dự án nông nghiệp quy mô lớn, (ii) các khoản giải ngân nợ vay với các ngân hàng thương mại từ các hợp đồng tín dụng hiện tại và (iii) dòng tiền hỗ trợ tài chính từ cổ đông. Cụ thể, cổ đông lớn của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("THACO") đã cam kết sẽ hỗ trợ nguồn tài chính bổ sung cần thiết cũng như gia hạn các khoản công nợ đến hạn thanh toán của Công ty với cổ đông để đảm bảo Công ty có thể hoạt động bình thường.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ có thể tiếp tục hoạt động và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, và theo đó, sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các nghĩa vụ đến hạn trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	51.543	37.287
Tiền gửi ngân hàng	2.617.902	13.021.185
TỔNG CỘNG	2.669.445	13.058.472

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trong tương lai:		
Cần trừ phải trả khác với khoản phải thu khác từ hoạt động đầu tư	-	1.182.151.149
Cần trừ phải thu khác với phải thu cho vay từ hoạt động đầu tư	78.513.627	-
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	537.158.627	1.476.850.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	263.500.000	577.400.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 27)	2.347.867.687	2.070.609.744
Phải thu từ khách hàng	654.992	42.445.689
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	-	22.065.328
- Khác	654.992	20.380.361
TỔNG CỘNG	2.348.522.679	2.113.055.433
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	-	(41.631.763)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.348.522.679	2.071.423.670

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.616.957.224	1.464.341.504
Trả trước cho người bán	3.000.000	5.140.410
TỔNG CỘNG	1.619.957.224	1.469.481.914
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	-	(2.140.409)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.619.957.224	1.467.341.505

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	6.816.799.033	6.589.299.033
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	6.816.799.033	6.589.299.033
Dài hạn	3.712.642.715	3.798.605.398
Cho vay Chính phủ Lào (*)	2.079.634.151	2.034.606.180
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	1.633.008.564	1.763.999.218
TỔNG CỘNG	10.529.441.748	10.387.904.431

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các khoản cho vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ phải trả khác mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	3.450.767.636	3.238.797.279
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	2.120.548.983	2.096.923.128
Phải thu lãi cho vay	1.122.357.019	946.736.873
Chi hộ	207.378.565	194.598.910
Khác	483.069	538.368
Dài hạn	1.797.753.225	1.736.955.331
Phải thu lãi cho vay	1.797.753.225	1.736.955.331
TỔNG CỘNG	5.248.520.861	4.975.752.610
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 27)	3.450.284.567	3.238.258.910
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 27)	1.797.753.225	1.736.955.331
Phải thu khác các bên thứ ba	483.069	538.368

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 5)	-	41.631.763
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (TM số 6)	-	2.140.409
TỔNG CỘNG	-	43.772.172

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	43.772.172	69.253.954
Dự phòng trích lập trong kỳ	915.771	2.346.065
Sử dụng và xóa sổ dự phòng trong kỳ	(44.687.943)	(206.043)
Số cuối kỳ	-	71.393.976



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	45.104.400	54.204.990
Hàng mua đang đi trên đường	6.491.576	-
TỔNG CỘNG	51.595.976	54.204.990
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.353.132)	(11.469.548)
GIÁ TRỊ THUẦN	41.242.844	42.735.442

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	11.469.548	12.482.554
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(37.571)	-
Xóa sổ dự phòng trong kỳ	(1.078.845)	(1.013.006)
Số cuối kỳ	10.353.132	11.469.548

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	91.738.986	10.544.249	(2.374.988)	99.908.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	285.831	-	-	285.831
TỔNG CỘNG	92.024.817	10.544.249	(2.374.988)	100.194.078
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	152.971	179.742	(214.711)	118.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND			
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Mua mới	-	4.514.671	-	4.514.671
Thanh lý	-	(274.632)	-	(274.632)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	310.655	9.941.178	2.966.173	13.218.006
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	310.655	4.990.704	2.929.213	8.230.572
Khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(310.655)	(5.540.779)	(2.955.700)	(8.807.134)
Khấu hao trong kỳ	-	(117.365)	(3.696)	(121.061)
Thanh lý	-	274.632	-	274.632
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(310.655)	(5.383.512)	(2.959.396)	(8.653.563)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	160.360	10.473	170.833
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	4.557.666	6.777	4.564.443

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND
	<i>Phần mềm vi tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.980.000
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(3.488.333)
Hao mòn trong kỳ	(373.750)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(3.862.083)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.491.667
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.117.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào các công ty con (TM số 14.1)	4.954.817.803	4.954.817.803
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	5.243.417.049	5.243.417.049
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.155.687.273)	(1.155.687.273)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.087.729.776	4.087.729.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng và kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100	2.101.029.560	100	2.101.029.560
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100	1.081.159.132	100	1.081.159.132
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100	943.987.719	100	943.987.719
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100	828.641.392	100	828.641.392
Nam Lào (TM số 28)	Trồng cây công, nông nghiệp và chăn nuôi	100	-	100	-
TỔNG CỘNG			4.954.817.803		4.954.817.803
			(1.153.092.663)		(1.153.092.663)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	578.057.681	474.855.047
Phải trả cho người bán	<u>12.286.980</u>	<u>13.532.658</u>
TỔNG CỘNG	<u>590.344.661</u>	<u>488.387.705</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí lãi vay	1.470.108.622	1.107.237.979
Chi phí hoạt động	26.883.485	29.002.226
TỔNG CỘNG	1.496.992.107	1.136.240.205
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>1.469.811.376</i>	<i>1.106.975.725</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>27.180.731</i>	<i>29.264.480</i>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	214.832.034	265.146.773
Phải trả các bên liên quan	204.717.749	258.117.172
Phải trả khác	10.114.285	7.029.601
Dài hạn	32.578.516	52.598.875
Phải trả các bên liên quan	32.578.516	31.686.854
Phải trả khác	-	20.912.021
TỔNG CỘNG	247.410.550	317.745.648
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>204.717.749</i>	<i>258.117.172</i>
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>32.578.516</i>	<i>31.686.854</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>10.114.285</i>	<i>27.941.622</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	9.564.874.588	9.564.874.588
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 18.1 và TM số 27)	3.932.160.518	3.932.160.518
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.2)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 18.3 và TM số 27)	5.132.714.070	5.132.714.070
Dài hạn	273.658.627	-
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 18.3 và TM số 27)	273.658.627	-
TỔNG CỘNG	9.838.533.215	9.564.874.588

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	9.564.874.588	-	9.564.874.588
Tiền thu từ đi vay	263.500.000	273.658.627	537.158.627
Tiền trả nợ gốc vay	(263.500.000)	-	(263.500.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	9.564.874.588	273.658.627	9.838.533.215

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THACO AGRI")	3.932.160.518	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	6,5 - 8,0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	Ngàn VND		%/năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TP Bank") - Chi nhánh Hà Nội	<u>500.000.000</u>	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TP Bank + 2,35%/năm (2025: 6,0 - 7,3)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su	<ul style="list-style-type: none"> - Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tồ nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, có diện tích 925 ha tại Campuchia; - Quyền nhượng quyền kinh tế đất (ELC) và các quyền liên quan khác đối với quyền sử dụng đất; quyền khai thác và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 3.128,72 ha tại Xã Talav và Xã Nhang, Huyện Andong, Meas, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia, bao gồm các công trình xây dựng, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật hiện có và sẽ hình thành trong tương lai, cùng toàn bộ thiết bị, máy móc, tháp, rào chắn, phụ tùng, bộ phận thay thế hoặc cải tiến trên hoặc liên quan đến đất; cũng như toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ việc khai thác, sử dụng tài sản này, thuộc sở hữu của HA Oyadav.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THACO AGRI	<u>5.406.372.697</u>	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2027	7,7 - 8,5
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	5.132.714.070		
Vay dài hạn	273.658.627		

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				Ngàn VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.305.898)	12.222.360.052
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	215.487.849	215.487.849
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>182.181.951</u>	<u>12.437.847.901</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	11.085.538.950	1.170.127.000	(946.358.119)	11.309.307.831
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	71.249.501	71.249.501
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(875.108.618)</u>	<u>11.380.557.332</u>

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
		Ngàn VND
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>11.085.538.950</u>	<u>11.085.538.950</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu bán hàng hóa	225.016.082	176.622.243
Doanh thu bán mũ cao su	40.905.000	40.040.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	115.800	-
TỔNG CỘNG	266.036.882	216.663.043
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 27)	265.996.307	216.663.043
Doanh thu thuần với các bên khác	40.575	-

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi cho vay bên liên quan	285.332.386	264.220.545
Lãi chênh lệch tỷ giá	149.025.186	237.125.183
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.555	16.027
TỔNG CỘNG	434.361.127	501.361.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn hàng hóa	223.579.927	174.093.508
Giá vốn mủ cao su đã bán	38.989.929	39.275.679
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	73.785	-
TỔNG CỘNG	262.643.641	213.369.187

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	380.876.791	266.836.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá	715.272	10.381.230
Khác	108.691	2.840.541
TỔNG CỘNG	381.700.754	280.058.228

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng	1.606.459	2.088.732
Chi phí vận chuyển	1.067.777	1.572.100
Chi phí nhân viên	521.882	511.832
Khác	16.800	4.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.148.645	6.905.752
Chi phí nhân viên	2.066.359	2.060.962
Dự phòng phải thu khó đòi	915.771	2.346.065
Khấu hao và hao mòn	419.152	795.045
Khác	747.363	1.703.680
TỔNG CỘNG	5.755.104	8.994.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP KHÁC

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập từ xóa sổ công nợ	20.912.021	769.240
Thu nhập từ thanh lý tài sản	81.818	-
Khác	19.817	11.992
TỔNG CỘNG	21.013.656	781.232

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí giá vốn hàng hóa	262.148.830	212.662.172
Chi phí nhân công	2.588.241	2.572.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.683.879	3.009.559
Dự phòng phải thu khó đòi	915.771	2.346.065
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 12 và 13)	494.811	706.802
Khác	567.213	1.066.067
TỔNG CỘNG	268.398.745	222.363.459

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập tính thuế:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	71.249.501	215.487.849
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.184.152	1.377.719
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(150.531.740)	(222.142.267)
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	51.639.532	-
Lỗ chịu thuế ước tính	(26.458.555)	(5.276.699)
Lỗ thuế chuyển sang các kỳ sau	26.458.555	5.276.699
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp cổ giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ với tổng giá trị là 51.639.532 ngàn VND.

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 33.283.747 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.825.192 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Ngàn VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
2024	2029	6.825.192	-	-	6.825.192
2025	2030	26.458.555	-	-	26.458.555
TỔNG CỘNG		33.283.747	-	-	33.283.747

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

26.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (i)	Ngàn VND	
			Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/06/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/06/2025
2024	2029	20.003.206	-	20.003.206
2025	2030	51.639.532	-	51.639.532
TỔNG CỘNG		71.642.738	-	71.642.738

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 71.642.738 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 20.003.206 ngàn VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT
THACO	Công ty có cùng thành viên HĐQT
THACO AGRI	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
Nam Lào	Công ty con
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Liên vận Đông Dương Thilogi ("Đông Dương Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto ("Phân phối Thaco Auto")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh ("Đại Quang Minh")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bò Trung Nguyên ("Chăn nuôi Bò Trung Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Bidiphar	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
THACO AGRI	Lãi vay	362.991.096	237.357.855
	Vay	273.658.627	1.035.850.000
	Mua hàng hóa	211.312.272	164.629.444
	Bán hàng hóa	40.905.000	40.241.073
	Cần trừ công nợ	-	395.947.547
	Trả gốc vay	-	135.400.000
HA Attapeu	Bán hàng hóa	218.257.406	176.603.399
	Lãi cho vay	211.073.628	189.143.601
	Cần trừ nợ gốc vay	59.393.846	-
	Mua hàng hóa	20.428.745	19.725.180
	Cho vay	-	226.500.000
	Cần trừ công nợ	-	186.525.155
HA Oyadav	Lãi cho vay	31.093.469	31.928.683
	Cần trừ công nợ	-	394.332.017
	Góp vốn	-	160.042.000
HAQM Lào	Mua hàng hóa	25.052.759	19.550.500
	Lãi cho vay	18.623.272	18.726.163
	Cần trừ công nợ	-	186.802.743
HA Rattanakiri	Lãi cho vay	24.287.909	24.422.096
Nam Lào	Cần trừ nợ gốc vay	19.119.781	-
	Bán hàng hóa	6,677,017	-
THACO	Mua tài sản cố định	4.390.909	-
Phân phối Thaco Auto	Mua hàng hóa	1.659.259	6.191.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		Ngân VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)			
HA Attapeu	Bán hàng hóa	2.206.986.768	1.942.422.475
HAQM Lào	Bán hàng hóa	49.641.731	48.566.895
HA Oyadav	Bán hàng hóa	39.331.038	38.479.447
Nam Lào	Bán hàng hóa	36.732.695	26.422.588
CRD	Bán hàng hóa	15.044.071	14.718.339
Bên liên quan khác	Bán hàng hóa và thanh lý tài sản cố định	131.384	-
TỔNG CỘNG		2.347.867.687	2.070.609.744
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)			
HA Attapeu	Mua hàng hóa	927.218.339	908.680.922
HAQM Lào	Mua hàng hóa	689.738.885	555.660.582
TỔNG CỘNG		1.616.957.224	1.464.341.504
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*) (TM số 7)			
HA Attapeu	Cho vay	4.799.026.645	4.572.526.645
HA Rattanakiri	Cho vay	805.908.354	805.908.354
HAQM Lào	Cho vay	620.432.694	619.432.694
HA Oyadav	Cho vay	591.431.340	591.431.340
TỔNG CỘNG		6.816.799.033	6.589.299.033
(*) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ ngày 5 tháng 7 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2026, và với lãi suất trung bình từ 6,0%/năm đến 8,0%/năm.			
Phải thu về cho vay dài hạn (**) (TM số 7)			
HA Attapeu	Cho vay	1.351.434.178	1.500.544.613
HA Oyadav	Cho vay	262.454.604	262.454.605
Nam Lào	Cho vay	19.119.782	-
HAQM Lào	Cho vay	-	1.000.000
TỔNG CỘNG		1.633.008.564	1.763.999.218

(**) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp dài hạn với thời hạn hoàn trả từ ngày 5 tháng 7 năm 2026 đến ngày 29 tháng 4 năm 2027 và với lãi suất trung bình từ 7,20%/năm đến 10,05%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngân VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Cần trừ công nợ	1.945.736.290	1.915.970.282
	Lãi cho vay	949.152.851	792.155.976
	Chi hộ	178.344.427	178.644.427
HAQM Lào	Lãi cho vay	173.204.168	154.580.896
	Cần trừ công nợ	22.308.139	21.880.460
	Chi hộ	1.110.999	1.110.999
CRD	Cần trừ công nợ	89.187.505	87.256.429
THACO AGRI	Cần trừ công nợ	63.317.049	71.815.957
Nam Lào	Chi hộ	27.801.207	14.715.372
HA Oyadav	Chi hộ	56.723	58.885
HA Rattanakiri	Chi hộ	65.209	69.227
TỔNG CỘNG		3.450.284.567	3.238.258.910
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Lãi cho vay	1.725.192.599	1.664.648.815
HAQM Lào	Lãi cho vay	72.306.516	72.306.516
Nam Lào	Lãi cho vay	254.110	
TỔNG CỘNG		1.797.753.225	1.736.955.331
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)			
THACO AGRI	Mua hàng hóa	528.735.077	430.876.918
Phân phối Thaco Auto	Mua hàng hóa	41.049.000	39.257.000
THACO	Mua tài sản cố định	4.831.055	-
CRD	Mua hàng hóa	2.743.519	2.668.429
Bên liên quan khác	Mua dịch vụ	699.030	2.052.700
TỔNG CỘNG		578.057.681	474.855.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngân VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
THACO AGRI	Mua hàng hóa	429.990.733	322.771.443
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 16)			
THACO AGRI	Lãi vay	1.469.811.376	1.106.819.725
Thilogi	Mua dịch vụ	-	156.000
TỔNG CỘNG		1.469.811.376	1.106.975.725
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 17)			
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	161.156.174	183.414.078
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	14.873.579	46.482.179
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	10.633.636	10.342.597
THACO AGRI	Mượn tiền	10.353.281	10.220.201
HA Attapeu	Thu hộ	7.648.200	7.648.200
Khác	Khác	52.879	9.917
TỔNG CỘNG		204.717.749	258.117.172
Phải trả dài hạn khác (TM số 17)			
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	32.578.516	31.686.854
Vay ngắn hạn (TM số 18.1 và TM số 18.3)			
THACO AGRI	Vay	9.064.874.588	9.064.874.588
Vay dài hạn (TM số 18.3)			
THACO AGRI	Vay	273.658.627	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		Ngàn VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	144.000	144.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	-	-
TỔNG CỘNG		144.000	144.000

28. CAM KẾT GÓP VỐN

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 400.000.000 USD liên quan đến việc đầu tư góp vốn vào Nam Lào, nhằm thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào.

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngoại tệ - USD	2.239	2.383

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng

Phan Bá Cường
Phó Tổng Giám đốc

